

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1136/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2017

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Ngọc Trang
2. Bà Hồ Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 595/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 555/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970

Thường trú: đường T, khu phố B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970

Thường trú: đường T, khu phố B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé vào ngày 13/02/1995. Sau khi lập gia đình, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà H có khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T vẫn không chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ đó. Tại Tòa, bà H xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/10/1997 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/4/2002. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Trọng H, yêu cầu ông

T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Trọng H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi Nguyễn Trọng H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; Về con chung: Bà H và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/10/1997 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/4/2002. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Trọng H, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Trọng H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi Nguyễn Trọng H đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/4/2002 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Trọng H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi Nguyễn Trọng H đủ 18 tuổi. Riêng người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/10/1997 đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Theo Kết quả xác minh của Công an phường T, quận T thì bị đơn ông T hiện đang cư trú tại đường T, khu phố B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

1.3. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

2. Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sông Bé cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyền số 07/95 ngày 13 tháng 02 năm 1995. Do đó, căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị H cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà H có khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T vẫn không chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ đó. Phía ông T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện việc vắng mặt của ông T là có lý do chính đáng hoặc do trở ngại khách quan, điều này thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, để mặc quan hệ hôn nhân, không quan tâm đến ý kiến của bà H. Đồng thời, theo trình bày của bà H cũng như Kết quả xác minh của Phòng Văn hóa Thông tin quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H không còn tình cảm và tin tưởng ông T do ông T hứa kết thúc mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng ông T vẫn không thực hiện.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Xét thấy việc ông Nguyễn Văn T vẫn còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là đã không làm tròn trách nhiệm của người chồng, không thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc vợ, không quan tâm đến suy nghĩ của vợ, không biết hối cải về hành vi sai trái của mình. Điều này cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/10/1997 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/4/2002.

Theo Văn bản số 946/LĐTB ngày 27/7/2017 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận Thủ Đức, ông T làm nghề lái xe taxi, bà H làm nghề uốc tóc tại nhà. Như vậy, bà H có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Trọng H tốt hơn. Đồng thời, Nguyễn Trọng H có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, giao con chung Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/4/2002 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Trọng H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi Nguyễn Trọng H đủ 18 tuổi.

Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng này chỉ đáp ứng nhu cầu học hành của Nguyễn Trọng H và mức cấp dưỡng này cũng hợp lý nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bà H phải chịu án phí ly hôn, ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 05/4/2002 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Trọng H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi Nguyễn Trọng H đủ 18 tuổi. Riêng con chung Nguyễn Trọng N đã trưởng thành.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Nguyễn Văn T chưa thi hành, thì hàng tháng ông Nguyễn Văn T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015607 ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Thủ Đức, TPHCM;
- UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh Sông Bé;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Châu